TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-ST
Ngày: 22 – 7 – 2024
Về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Rất.

2. Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Kiều L1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Anh T (tên gọi khác: H), sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Giữa bà và vợ chồng bà Kiều L1, ông T là chòm xóm. Bà L1, ông T có tham

gia tất cả 03 dây hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/4/2022 (âm lịch), gồm 28 phần, mãn ngày 20/6/2024 (âm lịch). Bà L1, ông T tham gia 01 phần. Bà L1, ông T hốt hụi kỳ đầu tiên được số tiền 105.300.000 đồng (chưa trừ tiền hoa hồng). Bà L1, ông T đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này bà L1, ông T còn nợ lại bà 0 kỳ hụi chết thành tiền là 30.000.000 đồng.

Dây thứ hai: hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/9/2022 (dương lịch), gồm 25 phần, mãn ngày 10/9/2024 (dương lịch). Bà L1, ông T tham gia 01 phần và hốt hụi kỳ thứ 3 (ngày 10/11/2022 dương lịch) được số tiền 36.120.000 đồng (chưa trừ tiền hoa hồng). Bà L1, ông T đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 12/2023 dương lịch thì ngưng. Dây hụi này bà L1, ông T còn nợ lại bà 01 kỳ hụi chết thành tiền là 18.000.000 đồng.

Dây thứ ba: hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2023 (dương lịch), gồm 24 phần, mãn ngày 10/02/2025 (dương lịch). Bà L1, ông T tham gia 02 phần và hốt hụi kỳ đầu tiên cả 02 phần được số tiền 17.710.000 đồng x 02 phần = 35.420.000 đồng (chưa trừ tiền hoa hồng). Bà L1, ông T đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 12/2023 dương lịch thì ngưng. Dây hụi này bà L1, ông T còn nợ lại bà 14 kỳ hụi chết x 02 phần thành tiền là 28.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chết bà L1, ông T còn nợ lại bà là 76.000.000 đồng. Ngoài ra, khi đóng hụi chết bà L1 còn nợ lại bà 1.000.000 đồng nên số tiền hụi bà L1, ông T còn nợ lại bà là 77.000.000 đồng.

Danh sách hụi viên bà ghi tên bà L1, ông T là "Loan H1" hoặc "Hận" ("Hận" là tên ở nhà của ông T). Dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng thì bà L1, ông T cùng tham gia góp hụi và cùng ký tên nhận tiền đăng hụi còn các dây hụi khác chỉ có một mình bà L1 trực tiếp tham gia và ký nhận tiền đăng hụi nhưng ông T cũng biết việc bà L1 còn tham gia dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng và dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng của bà.

Dây hụi 5.000.000 đồng mục đích bà L1, ông T hốt hụi để trả tiền xây nhà. 02 dây hụi sau thì hốt hụi để mua bò nuôi.

Do đơn khởi kiện bà tính nhầm dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10/3/2023 bà L1 chỉ còn nợ lại bà 14 kỳ hụi chết nhưng bà tính 15 kỳ nên khởi kiện yêu cầu bà L1, ông T trả số tiền 78.000.000 đồng. Nay bà xác định số tiền hụi chết bà L1, ông T còn nợ bà là 77.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà L1, ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi chậm trả và yêu cầu bà L1, ông T trả một lần số tiền trên cho bà.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L1 trình bày:***

Bà xác nhận bà có tham gia 03 dây hụi do bà Kim L làm chủ thảo và còn nợ lại bà Kim L số tiền hụi chết là 77.000.000 đồng. Khi lãnh hụi của dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/4/2022 âm lịch thì bà và ông T cùng ký nhận tiền đăng hụi còn 02 dây hụi sau chỉ có một mình bà ký nhận tiền lãnh hụi.

Bà và ông T chung sống với nhau khoảng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, T, tỉnh Tây Ninh. Thời điểm bà chơi hụi của bà L thì bà và ông T vẫn còn là vợ chồng và đang còn sống chung một nhà. Hiện tại bà và ông T vẫn chưa ly hôn nhưng vợ chồng đang sống ly thân. Trong thời gian chung sống, bà và ông T đều làm công nhân. Tiền bạc trong gia đình do bà quản lý nên toàn bộ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo hết. Từ ngày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì tiền của ai người đó quản lý.

Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền 77.000.000 đồng nhưng do hụi chưa mãn nên bà xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Do ông T không đồng ý cùng bà trả nợ nên nay bà cũng không đồng ý buộc ông T cùng trả nợ cho bà L.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Anh T trình bày:**

Ông T thống nhất lời trình bày của bà Kiều L1 về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và hiện vợ chồng không còn sống chung một nhà. Ông xác định ông có tham gia 01 phần hụi của dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/4/2022 (âm lịch) do bà Kim L làm chủ thảo. Vợ chồng ông hốt hụi kỳ đầu tiên được số tiền 105.300.000 đồng (chưa trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông đóng hụi chết cho bà Kim L cho đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này vợ chồng ông còn nợ lại bà L 06 kỳ hụi chết thành tiền là 30.000.000 đồng. Ngoài dây hụi trên, ông không còn tham gia dây hụi nào khác do bà Kim L làm chủ thảo và cũng không biết việc vợ ông còn tham gia 02 dây hụi như bà Kim L trình bày. Số tiền lãnh hụi của dây hụi 5.000.000 đồng vợ chồng ông sử dụng để xoay sở sinh hoạt trong gia đình. Trong thời gian sống chung, ông và bà Kiều L1 đều làm công nhân. Tiền bạc trong gia đình do bà L1 quản lý. Tiền lương của ông trung bình khoảng 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Mỗi tháng ông đưa cho bà L1 khoảng 6.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Nay ông chỉ đồng ý cùng bà Kiều L1 trả cho bà Kim L số tiền hụi chết của dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng còn nợ là 30.000.000 đồng. Đối với các dây hụi khác ông không tham gia nên không đồng ý trả nợ cho bà Kim L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 77.000.000 đồng. Ghi nhận bà Kim L không yêu cầu tính lãi suất.

2. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kiều L1, ông T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Kiều L1, ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền hụi chết 77.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng: bà Kim L và bà Kiều L1 đều thống nhất các dây hụi mà bà Kiều L1 tham gia, thống nhất thời gian lĩnh các dây hụi và thời gian bà Kiều L1 ngưng đóng hụi chết. Hai bên cũng thống nhất số tiền hụi chết bà Kiều L1 còn nợ bà Kim L là 77.000.000 đồng. Việc bà Kiều L1 không đóng hụi chết cho bà Kim L là vi phạm nghĩa vụ góp hụi theo quy định tại Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Để giao hụi cho các thành viên khác khi đến kỳ, bà Kim L phải góp các phần hụi thay cho bà Kiều L1 để đảm bảo hụi hoạt động đến cuối kỳ nên nay bà Kiều L1 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền bà Kim L đã góp thay cho bà Kiều L1 tính từ ngày ngưng hụi cho đến ngày xét xử là ngày 22/7/2024 là phù hợp. Đối với các phần hụi chưa mãn, bà Kiều L1 chưa vi phạm nghĩa vụ góp hụi nên bà Kiều L1 có nghĩa vụ tiếp tục đóng các kỳ hụi hàng tháng cho đến khi mãn hụi là phù hợp. Cụ thể:

Dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/4/2022 âm lịch, mãn ngày 20/6/2024 âm lịch bà Kiều L1 đóng hụi chết cho bà Kim L đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này bà Kim L góp thay cho bà Kiều L1 05 tháng thành tiền là 25.000.000 đồng nên bà Kiều L1 có nghĩa vụ trả cho bà Kim L số tiền 25.000.000 đồng và tiếp tục góp 01 tháng với số tiền 5.000.000 đồng tính từ ngày 20/6/2024 âm lịch tức ngày 25/7/2024 dương lịch.

Dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/9/2022 (dương lịch), mãn ngày 10/9/2024 (dương lịch). Bà Kiều L1 đóng hụi chết cho bà Kim L đến hết tháng 12/2023 dương lịch thì ngưng. Dây hụi này bà Kim L góp thay cho bà Kiều L1 07 tháng thành tiền là 14.000.000 đồng nên bà Kiều L1 có nghĩa vụ trả cho bà Kim L số tiền 14.000.000 đồng và tiếp tục đóng 02 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hụi là ngày 10/9/2024 (dương lịch).

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2023 (dương lịch), mãn ngày 10/02/2025 (dương lịch). Bà Kiều L1 tham gia 02 phần. Bà Kiều L1 đóng hụi chết cho bà Kim L đến hết tháng 12/2023 dương lịch thì ngưng. Dây hụi này bà Kim L góp thay cho bà Kiều L1 07 tháng thành tiền là 14.000.000 đồng nên bà Kiều L1 có nghĩa vụ trả cho bà Kim L số tiền 14.000.000 đồng và tiếp tục đóng 07 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hụi là ngày 10/02/2025 (dương lịch).

Ngoài ra, trong quá trình góp hụi, bà Kiều L1 còn nợ lại bà Kim L 1.000.000 đồng nên nay bà Kiều L1 có nghĩa vụ trả cho bà Kim L số tiền hụi bà Kim L đã góp thay là 25.000.000 đồng + 14.000.000 đồng + 14.000.000 đồng + 1.000.000 đồng = 54.000.000 đồng và tiếp tục góp các kỳ hụi cho đến mãn như phân tích ở trên.

[4] Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ thấy rằng: ông T trình bày trong 03 dây hụi trên ông chỉ tham gia 01 dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, 02 dây còn lại ông không tham gia. Tuy nhiên, bà Kiều L1 trình bày, số tiền lãnh hụi của 03 dây hụi trên bà sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, trả nợ gốc và lãi cho người khác. Như vậy, mục đích bà Kiều L1 sử dụng khoản tiền trên để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và là giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L1 và ông T nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Kiều L1 trả số tiền hụi còn nợ cho bà Kim L là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Kim L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp hụi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Kim L được chấp nhận nên bà Kiều L1, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

77.000.000 đồng x 5% = 3.850.000 (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim L 54.000.000 (Năm mươi bốn triệu) đồng tiền hụi bà Kim L đã góp thay cho bà Kiều L1 và ông T tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn các dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/4/2022 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ tiếp tục đóng 01 tháng, với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng tính từ ngày 20/6/2024 âm lịch tức ngày 25/7/2024 dương lịch.

Dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/9/2022 (dương lịch), bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ tiếp tục đóng 02 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hụi là ngày 10/9/2024 (dương lịch).

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2023 (dương lịch), bà bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ tiếp tục đóng 07 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hụi là ngày 10/02/2025 (dương lịch).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kiều L1 và ông Nguyễn Anh T phải chịu 3.850.000 (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.950.000 (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014915 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: bà Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Kiều L1, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến